TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-6-2021.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Chung
Ông Đào Duy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Ông K’ Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST- HNGĐ ngày 06-4-2021 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-5-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04-6-2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ka D ; sinh năm 1994.
Địa chỉ: Số 268 thôn 1, xã G , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông K’ Br ; sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 97 thôn Ka R , xã B , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Bà D có mặt tại phiên tòa, ông K’ Br vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, Bà Ka D trình bày: Bà và ông K’ Br tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã G , vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, ông K’ Br thường xuyên uống rượu không chịu khó làm ăn. Từ năm 2016 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên K’ B , sinh ngày 01-3-2013. Khi ly bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K’ Br phải cấp

dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông K' Br đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D ; giao con chung tên K' B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông K' Br không phải cấp dưỡng nuôi con; bà D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, ông K' Br là bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K' Br tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã G , vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, ông K' Br thường xuyên uống rượu không chịu khó làm ăn. Từ năm 2016 đến nay đã sống ly thân. Bà D xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông K' Br không đến Tòa để hòa giải và tại phiên tòa hôm nay cũng không có mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông K' Br đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D xin ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho bà D được ly hôn ông K' Br là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên K' B , sinh ngày 01-3-2013. Khi ly hôn bà D xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K' Br phải cấp dưỡng nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con của các bên. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung tên K' B , sinh ngày 01-3-2013 cho bà D tiếp nuôi dưỡng, ông K' Br không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Theo bà D thì vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Ông K' Br không đến Tòa án lần nào, không có lời trình bày về nội dung này nên không đề cập giải quyết về tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà D phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka D được ly hôn ông K' Br .

2) Về con chung: Giao con chung tên K' B , sinh ngày 01-3-2013 cho Bà Ka D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông K' Br không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3) Về án phí: Bà Ka D chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005516 ngày 06-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. (bà D đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D ;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS D ;
- UBND xã G ;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN T

Đới Văn Học